

KINH NGHIỆM ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG GIÁO VIÊN PHỔ THÔNG Ở CÁC NƯỚC TIÊN TIẾN TRÊN THẾ GIỚI VÀ KHẢ NĂNG VẬN DỤNG VÀO VIỆT NAM

Nhận bài:

29 – 08 – 2017

Chấp nhận đăng:

20 – 12 – 2017

<http://jshe.ued.udn.vn/>

Đặng Danh Hường^{a*}, Hoàng Thu Thảo^b

Tóm tắt: Đào tạo bồi dưỡng giáo viên theo đủ tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, chuẩn về năng lực chuyên môn đã và đang là một xu thế tất yếu trong trường phổ thông ở các nước trên thế giới. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm tìm hiểu các kinh nghiệm đào tạo bồi dưỡng giáo viên phổ thông ở một số nước tiên tiến trên thế giới từ đó đề xuất một số biện pháp vận dụng vào đổi mới công tác đào tạo bồi dưỡng giáo viên phổ thông ở Việt Nam. Mục tiêu này cần được xem là một đường lối chiến lược để làm cho đội ngũ nhà giáo trong trường phổ thông ở nước ta đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế - xã hội.

Từ khóa: đào tạo; bồi dưỡng giáo viên; phổ thông; thế giới; Việt Nam.

1. Mở đầu

Đội ngũ giáo viên đóng vai trò quyết định sự thành bại trong sự nghiệp đổi mới giáo dục và đào tạo. Nói về vai trò của đội ngũ giáo viên trong sự nghiệp phát triển giáo dục, các nhà giáo dục cho rằng: “chất lượng giáo dục, đặc biệt là chất lượng giáo dục phổ thông, không thể vượt qua chất lượng của đội ngũ giáo viên” [3, tr.202]. Có nghĩa, giáo viên là lực lượng quyết định trực tiếp đến chất lượng giáo dục của mọi quốc gia. Mỗi quốc gia có những kinh nghiệm khác nhau trong vấn đề đào tạo, bồi dưỡng giáo viên; việc nghiên cứu, trao đổi, học tập những kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới là điều cần thiết để giúp chúng ta tìm ra cách làm, bước đi thích hợp với điều kiện của đất nước trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

2. Kinh nghiệm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên từ các nước tiên tiến trên thế giới

2.1. Hoa Kỳ

Hoa Kỳ xây dựng tầm nhìn mới cho hệ thống đào tạo, bồi dưỡng giáo viên với những nội dung cơ bản: i) đào tạo, bồi dưỡng theo chiều dọc thông qua các năm

học và theo chiều ngang giữa các môn học và các trường; ii) phát triển từng bước các năng lực trí tuệ, kiến thức trong những lĩnh vực cốt yếu, và nghĩa vụ công dân; iii) phục vụ sự đa dạng của các phong cách học tập, các kinh nghiệm sống, và các dạng nhập học khác nhau; iv) đáp ứng sinh viên tại mức độ năng lực của họ và chuyển họ tới những thành tựu lớn hơn; v) truyền đạt rõ ràng các mục tiêu và các thành tựu với cộng đồng; vi) nhận ra nhu cầu của xã hội đối với người tốt nghiệp có kiến thức và có kỹ năng cao được chuẩn bị cho công việc, vai trò giáo viên trong thế kỉ 21 [4].

Các trường đại học sư phạm coi mình như một công cụ học tập mà sứ mạng của nó là để nâng cao thành tựu của sinh viên. Giảng viên tự mình đáp ứng các tiêu chuẩn cao của việc giảng dạy; giữ cho sinh viên đáp ứng các tiêu chuẩn cao của các hoạt động trí tuệ mà chúng đòi hỏi những sự tận tâm cao độ về thời gian và sự chú ý; thiết lập các mục tiêu rõ ràng và gắn bó chặt chẽ với nhau cho những môn học, các chương trình đào tạo và việc học tập của sinh viên.

Chương trình đào tạo không tập trung tức quá trình đào tạo, cấp bằng tốt nghiệp hay chứng chỉ sư phạm là trách nhiệm của từng bang. Ví dụ: Bang California có Hội đồng cấp chứng chỉ kiểm định giáo viên chịu trách nhiệm về chuẩn nghề nghiệp, cấp giấy phép hành nghề giáo viên kiểm định chương trình đào tạo giáo viên... Nhưng có điểm tương đồng giữa tất cả các bang của liên bang do có những cơ quan chứng nhận cấp liên bang

^aTrường THPT Hoàng Văn Thụ, Hà Nội

^bTrường Đại học Giáo dục - ĐHQG Hà Nội

* Liên hệ tác giả

Đặng Danh Hường

Email: danhuong01071988@gmail.com

chịu trách nhiệm soạn các tiêu chuẩn cho chương trình đào tạo, bồi dưỡng cấp chứng nhận hành nghề cho giáo viên. Những tiêu chuẩn chuyên môn, kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ sư phạm là các yếu tố được quy định trong chương trình đào tạo giáo viên [1]. Đặc biệt, chương trình đào tạo phải phát triển cho giáo viên tự chỉ dẫn, hội nhập, có mục đích - được mở rộng tự chủ, có kiến thức, có trách nhiệm, và chiêm nghiệm một cách thấu đáo về giáo dục của họ; được dựa trên giáo dục tự do thực tế trong đó giáo viên học và áp dụng việc học tập của họ theo những cách thức khác nhau vào những vấn đề phức tạp.

2.2. Cộng hoà Liên bang Đức

Mô hình đào tạo giáo viên tại Cộng hoà Liên bang Đức kéo dài 3 năm cho hệ đào tạo cử nhân (gồm 180 tín chỉ) cộng 2 năm đào tạo thạc sĩ (gồm 120 tín chỉ). Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có 18 tháng tập sự tại trường phổ thông trước khi thi sát hạch để lấy chứng chỉ làm giáo viên (theo lộ trình năm 2019 sẽ rút thời gian tập sự xuống còn 12 tháng). Việc đào tạo giáo viên mầm non không nằm trong hệ thống giáo dục đại học mà thuộc hệ thống dạy nghề. Đào tạo giáo viên tiểu học cũng ở trong các trường đại học tổng hợp, chỉ có 4 tiểu bang là đào tạo tại các trường đại học sư phạm. Quy chế chung của nước Đức là đào tạo giáo viên 2 môn (sinh viên khi tốt nghiệp có thể dạy được đồng thời hai môn học). Đào tạo giáo viên được chia làm 3 giai đoạn: 1) Đào tạo tại trường ĐH; 2) Đào tạo tập sự do Bộ quản lý; 3) Quá trình đào tạo và học tập suốt đời. Mỗi bang có một hệ thống giáo dục riêng, mỗi bang chịu trách nhiệm về hệ thống giáo dục của mình, có những lĩnh vực thống nhất ở toàn liên bang, còn lại các bang chịu trách nhiệm. Để thống nhất trong tính đa dạng như vậy cần có những chuẩn chung ở bình diện liên bang. Vì thế có một tổ chức để điều phối là Hội nghị thường trực các Bộ trưởng Giáo dục các bang cần có thỏa thuận chung này để giáo viên đào tạo tại một bang được thừa nhận và xin việc ở toàn liên bang [3, tr.203].

2.3. Anh

Nước Anh có hai kiểu chương trình đào tạo, được thiết kế cho người chưa có bằng đại học và đã có bằng đại học (hai kiểu chương trình này đều nhắm tới chuẩn trình độ giáo viên):

Thứ nhất, đó là chương trình đào tạo dành cho người chưa có bằng đại học. Điều kiện đầu tiên để theo đuổi

ngành sư phạm liên quan tới điểm tốt nghiệp phổ thông gọi là điểm GCSE, được tính bằng điểm suốt 2 năm cuối phổ thông lúc học sinh 14-16 tuổi và kết quả bài thi cuối khóa. Ứng viên cần có điểm GCSE môn Toán và Tiếng Anh đạt loại C/ loại 4 nếu muốn trở thành giáo viên trung học. Đối với đào tạo giáo viên tiểu học thì điểm GCSE môn Toán, Tiếng Anh và một môn khoa học phải đạt loại C/ loại 4. Để dễ hình dung, có 9 mức điểm GCSE gồm A*, A, B, C, D, E, F, G và U, trong đó U là không đạt. Như vậy một trong những điều kiện đầu vào ngành sư phạm là học sinh phải đạt mức khá ở các môn liên quan, chứng tỏ các em có nền tảng học tập môn đó tương đối tốt từ bậc phổ thông. Đáp ứng yêu cầu trên, học sinh tốt nghiệp phổ thông có thể chọn một trong 3 dạng chương trình đào tạo: i) Chương trình Cử nhân Giáo dục (Bachelor of Education - BEd) do trường đại học cung cấp; ii) Chương trình Cử nhân Khoa học Xã hội và Nhân văn (Bachelor of Arts - BA) hoặc Cử nhân Khoa học (Bachelor of Science - BSc) kèm chứng chỉ chuẩn trình độ giáo viên (BA or BSc with QTS); iii) Chương trình Cử nhân Khoa học Xã hội và Nhân văn và Cử nhân Khoa học không kèm chứng chỉ chuẩn trình độ giáo viên (BA or BSc without QTS) [7].

Thứ hai, đó là chương trình đào tạo giáo viên dành cho người đã có bằng đại học, tức Postgraduate Certificate in Education (PGCE). Chương trình này kéo dài 1 năm tập trung phát triển kỹ năng dạy học và củng cố kiến thức của ứng viên dành cho giáo dục tiểu học, trung học và một số lộ trình bắt buộc sau đó mà ứng viên cần theo để thực sự am hiểu nhóm tuổi của học sinh và môn mình chọn dạy trước khi bước vào quá trình đào tạo. Đối với ứng viên đã có bằng đại học, chương trình đào tạo giáo viên bao gồm: (i) 120 ngày kinh nghiệm tại lớp học ở 2 trường trở lên; (ii) học chuyên môn giúp trang bị kiến thức và thông hiểu để dạy học thành công; (iii) học cố vấn chuyên môn, trợ giúp học tập và quản lý lớp học; (iv) đánh giá liên tục kỹ năng giảng dạy của bản thân [7].

2.4. Phần Lan

Tại Phần Lan, việc tuyển chọn thí sinh do các trường đào tạo phụ trách và được tiến hành một cách kỹ lưỡng qua hai giai đoạn:

- Trước hết ban tuyển sinh sẽ lựa chọn trong danh sách đăng ký một số lượng nhiều gấp 4 hoặc 5 lần số chỉ tiêu đào tạo dựa trên kết quả kì thi trung học phổ thông quốc gia và điểm số các môn trong các năm học cuối cấp của các thí sinh (thí sinh có kinh nghiệm làm việc

với trẻ em có thể được cộng thêm điểm); tiếp theo là một bài thi tương tác xã hội và kỹ năng giao tiếp.

- Giai đoạn hai gồm ba bước, bắt đầu bằng một bài thi viết dựa trên một cuốn sách được chọn. Cuối cùng là một bài phỏng vấn trực tiếp với ban giám khảo xung quanh lý do muốn trở thành giáo viên của thí sinh [6].

Chương trình đào tạo giáo viên là nhằm đào tạo những công dân hiện đại, có năng lực giảng dạy và đào tạo người dân Phần Lan và nâng cao bản sắc của quốc gia non trẻ, giáo viên không chỉ có khả năng giảng dạy và còn có khả năng nghiên cứu độc lập. Các trường tự quyết định việc tuyển sinh cũng như chương trình đào tạo của mình. Chương trình đào tạo giáo viên dạy lớp gồm: giáo dục học với 75 chứng chỉ, còn lại là các môn mà giáo viên sẽ dạy ở trường với 30-35 chứng chỉ và nghiệp vụ sư phạm với 35 chứng chỉ. Chương trình đào tạo giáo viên dạy các môn riêng lẻ kéo dài 4 - 5 năm với môn chính và 1 đến 2 môn phụ. Từ năm thứ 3 sinh viên bắt đầu học giáo dục học. Tất cả các giáo viên dạy các lớp từ tiểu học đến trung học đều phải có bằng thạc sĩ với 160-180 chứng chỉ, tức 4 - 6 năm học (mỗi chứng chỉ tương đương 40 giờ học) [6].

Giáo viên tiểu học cần có bằng thạc sĩ về giáo dục. Còn giáo viên trung học cần có bằng thạc sĩ về môn học mình dạy với một môn chính có ít nhất 55 chứng chỉ và một môn phụ với ít nhất 35 chứng chỉ. Tất cả các sinh viên ngành sư phạm (trừ các sinh viên nhà trẻ mẫu giáo) đều phải học chương trình nghiên cứu sư phạm với 35 chứng chỉ. Cùng với việc học lý thuyết, chương trình còn kết hợp với thực tập giảng dạy tại các cơ sở riêng của các trường sư phạm hoặc liên kết nhằm phát triển kỹ năng của các giáo viên tương lai.

2.5. Australia

Australia có hai hình thức đào tạo giáo viên, được tổ chức ở các Khoa chuyên ngành và Khoa Giáo dục trong các Đại học (Sim, 2006): Cử nhân giáo dục (đầu vào cho chương trình là người có bằng trung học phổ thông). Quá trình đào tạo kéo dài từ 4 đến 5 năm, trong đó ít nhất là hai năm dành cho việc đào tạo nghiệp vụ giáo viên. Chương trình đào tạo bao gồm khối kiến thức chuyên ngành và khối kiến thức chuẩn bị cho nghiệp vụ dạy học. Mô hình này được đánh giá là có nhiều ưu điểm, kết hợp được lý thuyết và thực hành trong đào tạo; Bằng thứ hai (đầu vào là những người đã có bằng cử nhân, thạc sĩ hoặc tương đương). Chương trình thường được kéo dài từ 1 đến 2 năm. Chương trình này chủ yếu dành cho việc

đào tạo nghiệp vụ sư phạm. Người tốt nghiệp có thể được cấp thêm một bằng thứ hai về cử nhân giáo dục, hoặc Thạc sĩ dạy học hay Thạc sĩ giáo dục (tùy theo trường đại học), bên cạnh bằng thứ nhất [5, tr.384]. Chương trình đào tạo giáo viên rất chú ý đến việc tích hợp giữa lý thuyết (ở trường đại học) và thực hành nghề nghiệp (ở trường phổ thông).

2.6. Nhật Bản

Ở Nhật Bản, việc mở khóa đào tạo sư phạm phải có sự chấp nhận của Bộ Giáo dục thông qua kiểm định đào tạo. Việc kiểm định của Nhật được thực hiện 7 năm 1 lần thông qua 3 cơ quan: Hiệp hội Đại học Nhật Bản, Viện Đánh giá GD Nhật Bản, Tổ chức Giáo dục quốc gia về đánh giá và văn bằng đại học. Ở Nhật, giáo viên được coi là nghề cao quý, chuyên nghiệp, được xã hội tôn vinh với mức lương cao hơn công chức 30%. Hệ thống gia hạn cho giáo viên ban hành năm 2009 và thời hạn 10 năm thông qua kiểm tra cấp phép giảng dạy [2].

Giáo viên phổ thông ở Nhật đều có bằng cử nhân thông qua học chương trình đào tạo đại học gồm các tín chỉ về đại cương, chuyên ngành, sư phạm. Sinh viên tốt nghiệp phải qua kì kiểm tra của Hội đồng cấp tỉnh để được cấp chứng chỉ giáo viên. Các trường đại học phát hành 3 loại chứng chỉ giáo viên: Giấy chứng nhận lớp hạng 2, Giấy chứng nhận lớp hạng 1 và Chứng chỉ chuyên ngành.

Mô hình đào tạo giáo viên phổ thông tại các trường đại học giáo dục ở Nhật là mô hình song song với 4 năm học gồm: Giáo dục chung, chuyên môn, sư phạm, thực tập sư phạm, thực tập tốt nghiệp và chương trình chứng nhận giáo viên. Có nhiều chương trình để cấp chứng chỉ cho giáo viên dạy nghề, tập trung chủ yếu vào phương pháp giáo dục, thực hành chuyên môn, giảng dạy chuyên môn nghề nghiệp [2].

2.7. Singapore

Ở Singapore, việc đào tạo giáo viên trung học được thực hiện chủ yếu dưới hai chương trình: i) Chương trình cử nhân kéo dài trong bốn năm cho những người có bằng A Level (dự bị đại học) hoặc những người có chứng chỉ kỹ thuật. Tất cả sinh viên đều được đào tạo kết hợp giữa khối kiến thức chuyên ngành đặc thù (Toán, Vật lý...) và khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong bốn năm ở đại học; ii) Chương trình chứng chỉ giáo dục Sau đại học (PGDE): đây là chương trình kéo

dài chỉ trong một năm cho những người đã có bằng đại học và muốn trở thành giáo viên. Yêu cầu tuyển sinh đầu vào chương trình cử nhân phải có chứng chỉ dự bị đại học A Level. Chương trình chứng chỉ PGDE phải có một bằng đại học. Ngoài ra, tùy theo ứng viên đăng kí vào chuyên ngành nào (giáo viên Toán, giáo viên Vật lí...) mà có thể có thêm các điều kiện điểm của những môn học liên quan đến chuyên ngành đó ở đại học [5, tr.382].

3. Một vài nhận xét và khả năng vận dụng vào Việt Nam

3.1. Một vài nhận xét

- Hệ thống đào tạo ở các nước như Hoa Kỳ, Anh, Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản,... vừa cung cấp một đội ngũ giáo viên đông đảo để các trường phổ thông lựa chọn, vừa tăng cường năng lực và cơ hội tìm kiếm việc làm cho sinh viên.

- Các nước đã chú trọng việc bồi dưỡng trực tiếp tại các trường phổ thông với sự tham gia của giảng viên đến từ các trường đại học, các giáo viên có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm. Các giảng viên đào tạo giáo viên phải có thời gian nghiên cứu tại các trường phổ thông.

- Chương trình đào tạo giáo viên tại một số nước được thực hiện trong vòng 6 năm sinh viên tốt nghiệp sẽ được nhận cả bằng cử nhân và bằng thạc sĩ, đặc biệt sinh viên có thể giảng dạy được cả hai môn tại trường phổ thông. Ví dụ như ở Cộng hòa Liên bang Đức, Nhật Bản... Tuy nhiên, trước khi trở thành giáo viên thực thụ họ phải trải qua một năm tập sự dưới sự giám sát chặt chẽ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Mô hình chủ yếu sau trong đào tạo giáo viên của các nước theo mô hình đồng thời (các kiến thức nội dung chuyên ngành được giảng dạy đồng thời, đan xen với các kiến thức về nghiệp vụ và khoa học giáo dục) và mô hình liên tiếp (các kiến thức nghiệp vụ sư phạm và khoa học giáo dục được dạy sau khi người học đã có bằng đại học chuyên ngành). Tuy nhiên, mô hình liên tiếp không được đánh giá cao, vì sự ngắt quãng trong đào tạo giữa hai khối kiến thức có mối quan hệ gắn kết với nhau là kiến thức nội dung chuyên ngành và kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

- Chương trình đào tạo giáo viên do các trường xây dựng theo hướng dẫn, chuẩn đào tạo giáo viên của quốc gia và bang. Các chương trình được xây dựng phải có

luận chứng để trình duyệt, thẩm định theo quy định. Cấu trúc chương trình gồm kiến thức chuyên ngành, phương pháp giáo dục, kiến thức, kỹ năng sư phạm, thực hành giảng dạy chuyên ngành.

3.2. Khả năng vận dụng vào Việt Nam

Trên cơ sở phân tích chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của các nước, tác giả chỉ rõ khả năng áp dụng vào Việt Nam nhằm đổi mới việc đào tạo GV, đáp ứng yêu cầu đổi mới GD hiện nay:

Một là, tăng thời lượng trải nghiệm thực tế phổ thông bao gồm kiến tập, trợ lý dạy học và thực hành dạy học. Các nội dung này phải được phân bố đều trong các năm học từ năm thứ hai đến năm thứ tư. Đồng thời, tạo ra mô hình đối tác trường Đại học - trường Phổ thông trong đào tạo giáo viên, đặc biệt là việc hướng dẫn kiến tập, thực tập. Cụ thể: tăng thời lượng thực tập tại trường phổ thông của sinh viên 18 tháng, thời gian thực tập rải đều từ năm thứ 2 đến năm thứ 4 (Ở Việt Nam hiện nay thời gian thực tập của sinh viên sư phạm chủ yếu tập vào năm thứ 4 với thời gian khoảng 8 tuần), trong quá trình thực tập của sinh viên, giảng viên và giáo viên trường phổ thông phải phối kết hợp để hướng dẫn cho sinh viên. Hiện nay, việc hướng dẫn sinh viên thực tập đều do giáo viên tại trường phổ thông phụ trách, thiếu sự kết hợp giữa giảng viên của các trường ĐH.

Hai là, yêu cầu thí sinh bổ sung minh chứng kinh nghiệm trường học và tiến hành phỏng vấn, coi đây là hai điều kiện xét tuyển quan trọng. Ví dụ: kinh nghiệm tại lớp học ở 2 trường trở lên; kinh nghiệm làm việc với HS; phỏng vấn tại sao muốn trở thành giáo viên,...

Ba là, tạo điều kiện cho sinh viên các ngành khoa học cơ bản cũng có thể tích lũy thêm các học phần về khoa học giáo dục - sư phạm để đáp ứng các yêu cầu của một giáo viên THPT, và sinh viên ngành sư phạm tích lũy thêm các học phần chuyên ngành của khoa học cơ bản để có được đầy đủ các năng lực của một cử nhân khoa học.

Bốn là, thực hiện đổi mới chương trình đào tạo, cần phải rà soát lại toàn bộ chương trình đào tạo, mạnh dạn cắt bỏ những môn học không cần thiết (được lập đi lập lại ở nhiều cấp học, tốn quá nhiều thời gian - chiếm khoảng 1/3 thời lượng chương trình đào tạo của một ngành học) để tập trung vào chuyên ngành, chú trọng đến việc hình thành phẩm chất, năng lực sư phạm gắn với công việc thực tế mà sinh viên sẽ làm sau khi tốt nghiệp.

Năm là, chú trọng vấn đề nghiên cứu khoa học giáo dục trong đào tạo giáo viên: các lý thuyết học tập,

phương pháp dạy học, thực hành dạy học,... phải được dựa trên chứng cứ khoa học đã được công nhận là tốt để áp dụng vào đào tạo giáo viên.

4. Kết luận

Trong quá trình đổi mới, hội nhập hoạt động bồi dưỡng giáo viên ở một số nước tiên tiến trên thế giới không có sự thống nhất và giống nhau về hình thức, chương trình đào tạo hoặc phương thức đào tạo. Điểm chung giữa các quốc gia là đều phân đầu để có thể xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng tiên tiến nhất nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo. Tuy nhiên không phải nước nào cũng đã làm được điều này. Với chương trình đào tạo giáo viên theo hướng nghiên cứu của Phần Lan, không chỉ đảm bảo cho những người học không chỉ có trình độ chuyên môn tốt, làm chủ công việc giảng dạy trong ngành giáo dục mà còn giúp họ dễ dàng tìm được việc làm khác. Một bằng chứng rõ nhất là một số người vốn được đào tạo từ các trường sư phạm đã trở thành Bộ trưởng Tài chính trong một số chính phủ của Phần Lan và làm việc rất tốt, như Jutta Urpillainen, Antti Kalliomaki...

Nhìn vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên của các nước cho thấy dựa trên đặc điểm văn hóa xã hội mà từng nước đã có sự lựa chọn, thích nghi và triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên phù hợp với sự nghiệp giáo dục của từng quốc gia. Thế nên, khi triển khai chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở nước ta cần cân nhắc sao cho phù hợp với đặc điểm nền kinh tế, văn hóa xã hội và đặc biệt là phù hợp với quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tài liệu tham khảo

EXPERIENCE IN REFRESHER TRAINING FOR HIGH SCHOOL TEACHERS IN DEVELOPED COUNTRIES IN THE WORLD AND ITS APPLICABILITY IN VIETNAM

Abstract: It has been an indispensable trend in schools in countries around the world to develop refresher training for teachers to meet the standards of training and professional capacity. Our research is aimed at getting an insight into the experience in refresher training for high school teachers in developed countries in the world, thereby proposing measures to apply it to the reform of high school teacher professional development in Vietnam. This should be considered as a strategic approach that strengthens the high school teaching staff of our country to meet the requirements of socio-economic development.

Key words: training; refresher training for teachers; high school; the world; Vietnam.

- [1] Giáo dục và thời đại (02/10/2017). *Kinh nghiệm quốc tế về quản lý chương trình đào tạo giáo viên*. Truy cập từ <http://giaoducthoidai.vn/trao-doi/kinh-nghiem-quoc-te-ve-quan-li-chuong-trinh-dao-tao-giao-vien-3860094.html>
- [2] Giáo dục và thời đại (30/11/2009). *Đào tạo giáo viên, kinh nghiệm từ các nước phát triển*. Truy cập từ <http://giaoducthoidai.vn/dia-phuong/dao-tao-giao-vien-kinh-nghiem-tu-cac-nuoc-phat-trien-47950-u.html>
- [3] Nguyễn Thanh Hùng, Phạm Thị Thuý Hằng (2017). Thực hành nghề sư phạm trong đào tạo giáo viên: kinh nghiệm từ cộng hoà liên bang đức và định hướng vận dụng cho các trường đại học sư phạm ở Việt Nam. *Kỷ yếu hội thảo phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo*, NXB Thông tin và Truyền thông, 202-208.
- [4] Nguyễn Hữu Lam (2017). *Phát triển năng lực giảng viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo trong các trường đại học, và cao đẳng trong điều kiện toàn cầu hóa và bùng nổ tri thức*. Truy cập từ <http://www.cemd.ueh.edu.vn>.
- [5] Lê Anh Phương, Trần Kiên Minh (2017). Một số mô hình đào tạo giáo viên trên thế giới và giải pháp đổi mới đào tạo giáo viên ở Việt Nam. *Kỷ yếu hội thảo phát triển đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo*, NXB Thông tin và Truyền thông, 380-388.
- [6] Võ Xuân Quế (05/03/2017). *Bi quyết đào tạo giáo viên ở Phần Lan*. Truy cập từ <https://nslide.com/bai-viet/bi-quyet-dao-tao-giao-vien-o-phan-lan.i9cs0q.html>.
- [7] Hoàng Thanh (17/08/2017). *Đầu vào sư phạm thập: Thấy gì từ cách đào tạo giáo viên tại Anh quốc?*. Truy cập từ <http://infonet.vn dau-vaosupham-thap-thay-gi-tu-cach-dao-tao-giao-vien-tai-anh-quoc-post234594.info>.